

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24 -7 - 2017

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đới;

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2017/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Nhơn Ph, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số 381/23/13, Đường Lê Văn Q, khu phố 5, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ tạm trú: Số 762, ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 132/18 – Đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 761, tỉnh lộ 10, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có mặt, riêng chị T, anh G và chị C xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị với anh Huỳnh Nhơn Ph kết hôn vào năm 1999, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là quận B). Quá trình chung sống, chị và anh Ph thường phát sinh mâu thuẫn do anh Ph không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu rồi dẫn đến cãi vã nhau. Đã nhiều lần anh Ph hứa sẽ khắc phục nhưng không thực hiện nên chị ly thân với anh Ph từ tháng 9/2016 cho đến nay. Thấy rằng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị xin ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có 02 con chung gồm: Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 15/11/2000 và Huỳnh Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 30/3/2003

Về tài sản chung: Chị và anh Ph có tài sản chung gồm: 01 căn nhà 01 tầng trệt và 01 tầng lầu diện tích mỗi tầng là $48m^2$ xây trên diện tích đất $1.400m^2$ do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An; 01 chiếc xe Mô tô hiệu Wave, biển số đăng ký 62T1 – 2383 do mua của ông Nguyễn Văn T chưa sang tên chủ sử dụng; 03 con bò và một số vật dụng sinh hoạt gia đình không đáng giá.

Về nợ chung: Chị và anh Ph có nợ chị Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000 đồng, nợ anh Nguyễn Văn G số tiền 50.000.000 đồng, nợ chị Nguyễn Thị Kim C số tiền 30.000.000 đồng.

Khi ly hôn, con chung có nguyện vọng ở với chị thì chị nuôi, ở với anh Ph thì anh Ph nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, còn nợ chung thì chị yêu cầu chia đôi số nợ, anh Ph và chị mỗi người có trách nhiệm trả.

Anh Huỳnh Nhơn Ph xác định điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như thời gian ly thân như chị S trình bày là đúng nhưng về mâu thuẫn vợ chồng thì chị S trình bày không đúng mà do chị S mời bạn gái về nhà tổ chức uống rượu rồi nói xấu anh, anh bất đồng nên vợ chồng phát sinh cãi vã, từ đó chị S bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Anh nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên không đồng ý ly hôn với chị S. Nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn, con chung có nguyện vọng ở với anh thì anh nuôi, ở với chị S thì chị S nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con và anh cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đồng ý chia đôi số nợ, mỗi người có trách nhiệm trả.

Tại bản tự khai ngày 31/5/2017, Huỳnh Tấn Đ có nguyện vọng ở với anh Ph và Huỳnh Nguyễn Ngọc Tr có nguyện vọng ở với chị S khi chị S và anh Ph ly hôn.

Anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kim C trình bày: Chị S và anh Ph có nợ anh G số tiền 50.000.000 đồng, nợ chị T số tiền 30.000.000 đồng, nợ chị C số tiền 20.000.000 đồng. Nay chị S và anh Ph ly hôn, các anh, chị không có yêu cầu đòi chị S và anh Ph trả số nợ trên.

Tại phiên tòa, chị S và anh Ph thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung: Chị S nuôi con tên Huỳnh Nguyễn Ngọc Tr, anh Ph nuôi con tên Huỳnh Tấn Đ, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản

chung và đồng ý chia đôi số nợ của anh G, chị T và chị C, mỗi người có trách nhiệm trả.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng, từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, giao con tên Đ cho anh Ph nuôi, giao Ngọc Tr cho chị S nuôi. Anh G, chị C và chị T không có yêu cầu đòi nợ nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị S xin ly hôn với anh Huỳnh Nhơn Ph là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Anh Huỳnh Nhơn Ph là bị đơn có địa chỉ tạm trú tại số 762, ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị S với anh Ph kết hôn với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

Tại phiên tòa, chị S và anh Ph thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung: Chị S nuôi con tên Huỳnh Nguyễn Ngọc Tr, anh Ph nuôi con tên Huỳnh Tấn Đ, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và đồng ý chia đôi số nợ của anh G, chị T và chị C mỗi người có trách nhiệm trả.

Xét thấy việc chị S và anh Ph thỏa thuận ly hôn, không yêu cầu giải quyết tài sản chung là tự nguyện, thỏa thuận nuôi con phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử công nhận. Đối với số nợ anh G, chị T và chị C, chị S và anh Ph cũng thỏa thuận chia đôi nhưng do anh G, chị T và chị C không có yêu cầu đòi chị S và anh Ph trả nợ, đồng thời xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn mà xét xử cho chị S và anh Ph ly hôn để đảm bảo quyền kháng cáo của anh G, chị T và chị C.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị S phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Huỳnh Nhơn Ph.

2. Con chung: Chị Nguyễn Thị S được nuôi con tên Huỳnh Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 30/3/2003, anh Huỳnh Nhơn Ph được nuôi con tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 15/11/2000, không có việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị S và anh Ph đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000284 ngày 30/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, chị S không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Thị Kim Thanh

